TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2022/DS-PT
Ngày: 23-8-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ

Các thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường

Bà Phạm Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLPT-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2022/QĐ-PT, ngày 22 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1985; cư tú tại: Tổ D1, ấp D2, xã D3, thành phố D4, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của chị Đ: Bà Mai Thị Kim H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Khu phố H1, Phường H2, thành phố D4, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ký ngày 05-7-2021), có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1958; cư trú tại: Tổ T1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ T1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ D1, ấp D2, xã D3, thành phố D4, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Chị Phạm Thị Anh Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cùng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Huỳnh Thị T là dì ruột của Chị Phạm Thị Anh Đ, giữa bà T với chị Đ có giao dịch vay mượn tiền cụ thể như sau:

Vào ngày 10-10-2019 bà T có vay của chị Đ số tiền 150.000.000 đồng; ngày 03-12-2019 vay tiếp số tiền 260.000.000 đồng và ngày 12-12-2019 vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng; tổng cộng 03 lần bà T vay của chị Đ số tiền 510.000.000 đồng. Khi vay không lập giấy tờ gì, không thỏa thuận lãi suất, không thời hạn trả nợ, do bà T không có trả tiền cho chị Đ nên bà T có lập giấy nợ và ký tên giao cho chị Đ giữ.

Do bà T không có tiền trả cho chị Đ và cũng không còn tài sản nên giữa chị Đ, bà T và anh B tự nguyện thỏa thuận là anh B chuyển nhượng diện tích đất 2.500 m^2 để trả giúp bà T nợ cho chị Đ (nguồn gốc đất này là của bà T tặng cho anh B năm 2019). Các bên đã thực hiện xong và khi anh B giao đất cho chị Đ thì chị Đ có nói với anh B là diện tích đất giao chưa đủ giá trị tiền bà T nợ chị Đ và yêu cầu anh B giao thêm 1.000 m^2 nhưng anh B không đồng ý. Chị Đ có yêu cầu anh B trả tiền cho chị Đ 510.000.000 đồng, chị Đ trả lại đất cho anh B nhưng anh B nói chị Đ bán đất đi, anh B không trả thêm nữa. Do đó chị Đ bán đất được số tiền 360.000.000 đồng.

Nay chị Đ khởi kiện yêu cầu bà T và anh B có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền gốc là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Bà Huỳnh Thị T có ý kiến đối với yêu cầu nguyên đơn như sau:

Bà là dì ruột của chị Phạm Thị Ngọc Đ, giữa bà với chị Đ có giao dịch vay mượn tiền cụ thể như sau:

Bà có vay tiền của chị Đ gồm 03 lần như chị Đ trình bày, tổng số tiền 510.000.000 đồng, tại thời điểm giao dịch vay tiền không ghi giấy nợ mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau, mục đích bà vay tiền là để cho người khác vay lại, thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng cũng không ghi giấy tờ gì. Do những người

bà cho vay không trả nợ cho bà nên bà không có tiền trả lại cho chị Đ nên chị Đ mới yêu cầu bà viết giấy nhận nợ, ngày tháng ghi giấy nợ này bà không nhớ, chỉ nhớ sau khi vay số tiền trên, giấy nợ chị Đ cung cấp cho Tòa án là do bà viết và ký tên.

Đến ngày tháng nào bà không nhớ, nhưng trong năm 2020, bà không có tiền trả cho chị Đ nên hai bên có thỏa thuận bằng lời nói là Anh Nguyễn Văn B sẽ chuyển nhượng diện tích đất 2.500 m^2, để cấn trừ số tiền nợ 510.000.000 đồng nhưng không có ghi giấy mà chỉ làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngoài ra không có thỏa thuận nào khác, việc thỏa thuận nêu trên chị Đ đồng ý, do đó anh B đã thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng diện tích đất 2.500 m^2 cho anh H, chồng của chị Đ xong. Như vậy, việc trả tiền nợ vay 510.000.000 đồng giữa bà với chị Đ là hết nợ. Do bà nghĩ là dì cháu với nhau nên không yêu cầu chị Đ trả lại giấy nợ gốc.

Số tiền 510.000.000 đồng do một mình bà giao dịch với chị Đ, không liên quan đến anh B, do anh B thấy bà không có tiền trả nợ nên mới thỏa thuận chuyển nhượng đất để trả nợ thay bà. Đối với tiền lãi suất bà đã trả cho chị Đ đầy đủ cho đến ngày giao đất, khi trả không ghi giấy tờ và cũng không ai chứng kiến, nay bà không có ý kiến phần tiền lãi đã trả cho chị Đ.

Nay chị Đ khởi kiện yêu cầu bà và anh B phải trả thêm số tiền 150.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Anh Nguyễn Văn B có ý kiến đối với cầu của nguyên đơn:

Anh là con của Bà Huỳnh Thị T, cha anh đã chết năm 2013. Khi mẹ anh giao dịch vay tiền với chị Đ và một số người khác nữa thì anh không biết, đến khi bà T không còn khả năng trả nợ cho người ta thì anh mới biết mẹ anh có vay tiền của chị Đ số tiền 510.000.000 đồng. Do anh thấy mẹ anh không có tiền trả nợ nên tự nguyện lấy phần diện tích đất do anh đứng tên để giao cho chị Đ cấn trừ số tiền nợ, chị Đ cũng đồng ý nên anh đã thực hiện thủ tục chuyển quyền diện tích đất 2.500 m^2 đất cho Anh Trần Văn H là chồng của chị Đ, diện tích đất này có nguồn gốc của cha mẹ cho anh theo di chúc nhưng chuyển quyền cho anh vào năm 2019. Tại thời điểm anh làm hợp đồng chuyển nhượng đất với chị Đ thì chỉ có làm hợp đồng chuyển quyền diện tích đất 2.500 m^2 và chỉ nói miệng với nhau để cấn trừ tiền nợ 510.000.000 đồng, chứ không có ghi giấy tờ gì thỏa thuận này. Giá đất tại thời điểm chuyển quyền khoảng 2,2 tỷ/01 ha, nên anh nghĩ chuyển nhượng diện tích đất 2.500 m^2 cũng vừa đủ số tiền nợ 510.000.000 đồng, nhưng ghi giá chuyển nhượng trong hợp đồng ít hơn so với giá thực tế để đóng thuế ít lại.

Nay qua yêu cầu của chị Đ thì anh không đồng ý, vì số tiền nợ bà T vay không liên quan đến anh, từ trước đến nay anh không giao dịch vay tiền gì của chị Đ.

Anh Trần Văn H có ý kiến: Bà Huỳnh Thị T là dì ruột của Chị Phạm Thị Anh Đ, anh là chồng của chị Đ. Bà T có nợ vợ chồng anh số tiền 510.000.000 đồng, do không có tiền trả nợ nên có thỏa thuận anh B chuyển nhượng diện tích đất như các bên trình bày là đúng. Sau đó, vợ chồng anh chuyển nhượng lại cho người được số tiền 360.000.000 đồng nên nay anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu chị Đ, không bổ sung gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Anh Đ đối với Bà Huỳnh Thị T, Anh Nguyễn Văn B về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-5-2022, nguyên đơn Chị Phạm Thị Anh Đ kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chị Phạm Thị Anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của Chị Phạm Thị Anh Đ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn Chị Phạm Thị Anh Đ và bị đơn Bà Huỳnh Thị T thống nhất bà T có vay và viết giấy mượn tiền của chị Đ 150.000.000 đồng ngày 10-10-2019; 260.000.000 đồng ngày 05-12-2019 và 100.000.000 đồng ngày 12-12-2019. Tổng cộng 510.000.000 đồng. Nguyên đơn chị Đ cho rằng dì cháu cho mượn tạm một hai tháng giúp không tính lãi. Bị đơn bà T cho rằng bà vay 03 lần

là 510.000.000 đồng; cho người khác vay lại, thỏa thuận lãi 6%/tháng. Do những người bà cho vay lại không trả nên bà không có tiền trả lại cho chị Đ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng: Từ ngày 12-12-2019, bà T còn nợ chị Đ 510.000.000 đồng, bà T không có tiền trả nợ; chị Đ đồng ý nhận 2.500 m^2 đất từ anh B (con bà T) giao để cấn trừ nợ. Việc cấn trừ nợ này đã thực hiện xong, anh B đã sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên chị Đ, chồng chị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.500 m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho Anh Trần Văn H ngày 03-11-2020. Giữa chị Đ, bà T, anh B không có chứng cứ thỏa thuận nào khác là trong trường hợp chị Đ chuyển nhượng lại diện tích đất trên ít hơn số tiền bà T nợ thì bà T phải trả thêm cho đủ 510.000.000 đồng.

[3] Chị Đ cho rằng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh B với anh H diện tích 2.500 m^2 ghi giá 100.000.000 đồng là để đóng thuế ít hơn nhưng chị Đ không cung cấp được giá đất 2.500 m^2 để trừ được bao nhiêu tiền trong số nợ 510.000.000 đồng. Đến ngày 14-6-2021, anh H hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Phan Thành Hoàng D, chị Nguyễn Thị L diện tích 1.061,7 m^2 giá 6.000.000 đồng; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đặng Tiểu P, chị Nguyễn Thị L diện tích 1.438,3 m^2 giá 6.000.000 đồng cũng không đúng giá trị thực tế trong khi chị Đ cho rằng 2.500 m^2 đất bán được 360.000.000 đồng, cấn trừ nợ 510.000.000 đồng còn thiếu 150.000.000 đồng; anh B cho rằng giá thực tế là 2.200.000.000 đồng/ha, anh giao 2.500 m^2 đất là vừa đủ 510.000.000 đồng.

[4] Chị Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới, Hội đồng xét xử xét thấy không đủ cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Đ. Xét yêu cầu của chị Đ yêu cầu anh B cùng liên đới với bà T trả nợ 150.000.000 đồng thấy rằng: Chị Đ, bà T thống nhất là bà T vay chị Đ 510.000.000 đồng; anh B không vay mượn gì với chị Đ, anh B chỉ đứng ra trả nợ vay của mẹ nên chị Đ yêu cầu anh B liên đới với bà T trả số nợ còn lại 150.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Chị Phạm Thị Anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Anh Đ đối với Bà Huỳnh Thị T, Anh Nguyễn Văn B về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Anh Đ phải chịu 7.500.000 (bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án chị Đ đã nộp 3.750.000 (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tại biên lai thu số 0006881 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Đ còn phải nộp thêm số tiền 3.750.000 ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0007284 ngày 10-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã kí

Trần Tuấn Vũ